

# Lesson Overview

## Briefing projects



You are a project manager and you have a meeting with a staff member in which you will brief him/her about the project.

How do you brief a project?

### Useful language

	Words and Expressions	Meaning
<b>Project objective</b>		
1	redesign our company's online presence and e-commerce platform to boost sales and improve customer engagement	thiết kế lại giao diện trực tuyến và nền tảng thương mại điện tử của công ty chúng ta để tăng doanh số bán hàng và cải thiện mức độ tương tác của khách hàng
2	expand our market presence and increase our market share	mở rộng sự hiện diện trên thị trường và tăng thị phần của chúng ta
3	expand our product line by introducing a new line of eco-friendly and sustainable products	mở rộng dòng sản phẩm của chúng ta bằng cách giới thiệu dòng sản phẩm mới thân thiện với môi trường và bền vững
<b>Collaboration</b>		
4	The Marketing department will lead the way in creating fascinating online brand content.	Phòng Tiếp thị sẽ phụ trách việc tạo nội dung thương hiệu trực tuyến hấp dẫn.

# Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
5	The IT department will be responsible for the technical aspects, including website development and system integration.	Phòng công nghệ thông tin sẽ chịu trách nhiệm về các khía cạnh kỹ thuật, bao gồm phát triển trang web và tích hợp hệ thống.
6	The Finance department will manage the budget and cost analysis.	Phòng Tài chính sẽ quản lý ngân sách và phân tích chi phí.
7	The Sales and Marketing department will collaborate to identify new markets and develop marketing strategies.	Phòng Bán hàng và Tiếp thị sẽ hợp tác để xác định thị trường mới và phát triển các chiến lược tiếp thị.
8	The R&D department will work on product innovation to stay competitive.	Bộ phận Nghiên cứu và Phát triển sẽ đổi mới sản phẩm để duy trì tính cạnh tranh.
9	The Finance department will manage the budget and financial analysis.	Phòng Tài chính sẽ quản lý ngân sách và phân tích tài chính.
10	The R&D department will lead the way in developing innovative, sustainable product designs.	Phòng Nghiên cứu và Phát triển sẽ phụ trách việc phát triển các thiết kế sản phẩm sáng tạo, bền vững.
11	The Production department will be responsible for scaling up production of these new products.	Phòng Sản xuất sẽ chịu trách nhiệm mở rộng quy mô sản xuất các sản phẩm mới này.
12	The Marketing department will promote new products to our target customers.	Phòng Marketing sẽ quảng bá sản phẩm mới tới khách hàng mục tiêu.

# Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
<b>Timeline</b>		
13	The first three months will be spent planning	Ba tháng đầu tiên sẽ lập kế hoạch
14	four months of development and implementation	bốn tháng phát triển và triển khai kế hoạch
15	two months of testing before we officially launch the new platform	hai tháng thử nghiệm trước khi chúng ta chính thức ra mắt nền tảng mới
16	The first three months will be spent doing market research and strategy development.	Ba tháng đầu tiên sẽ được dành để nghiên cứu thị trường và phát triển chiến lược.
17	six months of execution and product development	sáu tháng thực hiện và phát triển sản phẩm
18	three months of analyzing our growth and making necessary adjustments	ba tháng phân tích sự tăng trưởng của chúng ta và thực hiện những điều chỉnh cần thiết
19	The first three months will be spent doing research and development.	Ba tháng đầu tiên sẽ được dành cho việc nghiên cứu và phát triển.
20	six months of manufacturing	sáu tháng sản xuất
21	three months of marketing and product launch preparation	ba tháng chuẩn bị tiếp thị và ra mắt sản phẩm
<b>Budget</b>		
22	website development and marketing campaign costs	chi phí cho phát triển trang web và chiến dịch tiếp thị

# Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
23	expenses related to market research, product development, marketing campaigns, and infrastructure	chi phí liên quan đến nghiên cứu thị trường, phát triển sản phẩm, chiến dịch tiếp thị và cơ sở hạ tầng
24	search and development costs, production expenses, and marketing campaigns	chi phí tìm kiếm và phát triển, chi phí sản xuất và tiếp thị
<b>Other structures</b>		
25	Today, I'd like to introduce you to our latest project, named [project name].	Hôm nay, tôi muốn giới thiệu với bạn dự án mới nhất của chúng ta, có tên là [tên dự án].
26	I'm excited to know more about the project.	Tôi rất muốn biết thêm về dự án.
27	The primary objective here is to [project objective]. Let's dive into the project details.	Mục tiêu chính ở đây là [mục tiêu dự án]. Hãy cùng tìm hiểu chi tiết dự án nào.
28	Could you share more about how we plan to achieve this objective?	Bạn có thể chia sẻ thêm về cách chúng ta dự định thực hiện để đạt được mục tiêu này không?
29	Absolutely. The project will require collaboration across various departments. [department 1]. [department 2] and [department 3].	Chắc chắn rồi. Dự án sẽ yêu cầu sự hợp tác của nhiều bộ phận khác nhau. [phòng 1]. [phòng 2] và [phòng 3].
30	I see. So, what's the timeline for the project?	Tôi hiểu rồi. Vậy thời gian dành cho dự án này là bao lâu?
31	We're aiming to complete the project within [total time]. [period 1], followed by [period 2]. After that, we'll have [period 3].	Chúng ta đang hướng tới việc hoàn thành dự án trong [tổng thời gian]. [giai đoạn 1], tiếp theo là [giai đoạn 2]. Sau đó, chúng ta sẽ có [giai đoạn 3].

# Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
32	What about the budget?	Còn ngân sách thì sao?
33	We've allocated a budget of [amount of money] for the project. This includes [expenses].	Chúng ta phân bổ ngân sách [số tiền] cho dự án. Điều này bao gồm [chi phí].
34	Thank you for the thorough briefing. I've got a clear understanding of the project.	Cảm ơn bạn đã tóm tắt kỹ lưỡng. Tôi đã hiểu rõ về dự án.
35	It's great to hear that. So, let's work collaboratively to make the project a success.	Thật tuyệt khi nghe điều đó. Vì vậy, chúng ta hãy hợp tác làm việc để khiến dự án thành công.